TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **426**/2023/DS-PT
Ngày: 21 - 12 - 2023
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Tú;

Ông Y Phi Kbuôr.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Thu Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 411/2023/TLPT-DS ngày 08/11/2023, về việc: "Tranh chấp kiện đòi tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DS-ST, ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2023/QĐ-PT, ngày 23/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 325/2023/QĐ-PT ngày 13/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1974 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường G, tổ dân phố T, thị trấn A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1981;

Nơi thường trú: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 04, Buôn E, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị D: Ông Võ Trường G, sinh năm 1992 (văn bản ủy quyền ngày 13/5/2023), có mặt.

Địa chỉ: Đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày có nội dung như sau:*

Trong khoảng thời gian từ ngày 26/4/2021 đến ngày 04/8/2022, ông có cho bà

Nguyễn Thị D mượn tiền nhiều lần, hình thức cho mượn là chuyển khoản vào số tài khoản của bà D. Bà D hẹn cuối năm 2022 sẽ thanh toán cho ông nhưng bà D không thanh toán.

Ngày 10/4/2023, ông đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi xem xét lại các giấy tờ chuyển tiền cho bà D thì tổng số tiền ông chuyển cho bà D là 193.000.000 đồng. Do đó, ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D trả trả cho ông số tiền đã mượn là 193.000.000 đồng.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị D là ông Võ Trường G trình bày có nội dung như sau:*

Bà D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữa nguyên đơn và bị đơn không có sự vay mượn. Giữa ông B và bà D có quan hệ tình cảm nên số tiền ông B cho rằng chuyển khoản vào tài khoản của bà D là do ông B tự nguyện chuyển cho bà D, nên bị đơn không đồng ý trả lại số tiền 193.000.000 đồng cho ông B. Đối với chứng từ chuyển khoản và ghi nội dung là chuyển tiền cho mượn là do ông B tự ghi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DS-ST, ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, điểm c khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 365, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền 193.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày bản án có hiệu lực cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đối với số tiền 7.000.000 đồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 9.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Văn B số tiền 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai số 60AA/2021/0016985 ngày 18/4/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/9/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Trong khoảng thời gian từ ngày 26/4/2021 đến ngày 04/8/2022, ông B đã nhiều lần chuyển khoản cho bà D với tổng số tiền 193.000.000 đồng. Bà D cũng thừa nhận có nhận số tiền này của ông B. Mặc dù, những lần chuyển tiền đều thể hiện nội dung chuyển tiền khác nhau nhưng không có nội dung tặng cho tiền cho bà D. Bà D có cung cấp 01 "Giấy cam kết" lập ngày 06/6/202DL, nội dung "cuối cùng Duyên không nợ gì tôi", ông B thừa nhận viết giấy cam kết nhưng xét thấy nội dung giấy cam kết không cụ thể, rõ ràng về thời gian, ngoài ra giấy cam kết nêu trên cũng không ghi rõ "không nợ gì tôi" liên quan đến các khoản nợ mà ông B đang khởi kiện bà D, đồng thời, bà D cũng không chứng minh được số tiền trên do ông B tặng cho bà D. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ, nên kháng cáo của bà D là không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D được nộp trong thời hạn luật định và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D, xét thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B cho rằng ông và bà Nguyễn Thị D không có quan hệ tình cảm. Tuy nhiên, theo nội dung tin nhắn mà ông cung cấp cho Tòa án, cũng như trình bày của bà D và nội dung Giấy cam kết do ông B viết thì có căn cứ xác định rằng trong thời gian từ ngày 26/4/2021 đến ngày 04/8/2022, ông B và bà D có quan hệ tình cảm với nhau.

[2.2] Ông B trình bày rằng từ ngày 26/4/2021 đến ngày 04/8/2022, ông Nguyễn Văn B đã nhiều lần cho bà D mượn tiền, ông đã chuyển khoản cho bà D với tổng số tiền 193.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong tất cả các giấy nộp tiền và nội dung sao kê tài khoản mà ông B cung cấp, chỉ có khoản tiền 4.000.000 đồng ngày 20/4/2022, khoản tiền 3.000.000 đồng ngày 25/4/2022 có nội dung "chuyen tien cho muon".

Xét các giấy tờ mà ông B cung cấp thì thấy rằng: Giấy nộp tiền ngày 24/6/2021 có nội dung "NGUYEN VAN B CT MUA HANG"; các giấy nộp tiền ngày

11/5/2021, 23/12/2021, 28/12/2021, 25/01/2022 nội dung NGUYEN VAN B CT; các giấy nộp tiền ngày 18/12/2021, 28/12/2021, 30/12/2021 đều có nội dung NT; giấy nộp tiền ngày 06/01/2022 nội dung NGUYEN VAN B NT; sao kê tài khoản ngày 20/3/2022, 21/3/2022 nội dung chuyển tiền; sao kê tài khoản ngày 30/3/2022, nội dung "chuyen tien thue nha"; sao kê tài khoản ngày 03/4/2022, nội dung "chuyen tien thue nha tro"; sao kê tài khoản ngày 18/4/2022, nội dung "chuyen tien hoc"; sao kê tài khoản các ngày 26/4/2022 nội dung "chuyen tien my pham"; sao kê tài khoản các ngày 06/6/2022, 01/7/2022, 08/7/2022, 15/7/2022, 20/7/2022, 28/7/2022, 04/8/2022 nội dung chuyển tiền. Như vậy, những lần chuyển tiền này đều không thể hiện nội dung cho mượn tiền. Mặt khác, bà D cũng không thừa nhận bà mượn tiền mà cho rằng những khoản tiền nội dung mua hàng, thuê nhà trọ là phục vụ mục đích sinh hoạt chung của hai người; tiền mỹ phẩm, tiền học và những khoản khác là ông B tự nguyện cho bà D vì hai người có quan hệ yêu đương. Ngoài những giấy tờ nêu trên thì ông B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho những lần chuyển tiền này với mục đích cho bà D mượn tiền.

Ngoài ra, tại Giấy cam kết đề ngày 6/6/202dl do phía bị đơn cung cấp cho Tòa án, thấy rằng: ông B và bà D quen nhau từ năm 2021, thời gian này là phù hợp với diễn biến quá trình chuyển tiền giữa ông và bà D. Tại phần ghi chú của Giấy cam kết trên có nội dung "cuối cùng. duyên không nợ gì tôi và. tôi cũng không kiện cáo hay khiếu nại gì cả".

Như vậy, không có căn cứ để xác định có sự việc cho mượn tiền giữa ông B với bà D. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ "kiện đòi tài sản" và căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự "Hợp đồng vay tài sản" để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 193.000.000 đồng là không có cơ sở. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B là phù hợp.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tính lại án phí.

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (193.000.000 đồng x 5% = 9.650.000 đồng). Bị đơn bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D – Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DS-ST, ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền 193.000.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 9.650.000 đồng *(chín triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai số AA/2021/0016985 ngày 18/4/2023. Ông Nguyễn Văn B còn phải nộp số tiền 4.650.000 đồng *(bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng)*.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp (ông Võ Trường G nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai số AA/2022/0003302 ngày 18/9/2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh